

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2021
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thủ;
2. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2020, về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Trịnh Minh Nh**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

2. Bị đơn: **Bà Ngô Thị Tuyết M**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện T, tỉnh L (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty tài chính TNHH MTV**; Địa chỉ: Tầng x, tòa nhà y, số a, đường Đ, Phường k, Quận s, thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Trịnh Minh Nh, như sau:

Ông và bà Ngô Thị Tuyết M cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2015 tại UBND xã L. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà sống và đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2018, vợ chồng về sống cùng gia đình ông. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 07 năm 2020 thì ly thân vì xảy ra mâu thuẫn, bà M đến Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà sống và đi làm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà M vay tiền mà không cho ông biết, bà M thường đi làm về khuya, không cho ông biết địa chỉ công ty nơi bà M làm việc, bà M còn có mối quan hệ tình cảm với khác.

Nay xét thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thiên H và Trịnh Thiên K hiện 02 con đang được bà M gửi ở quê cho cha, mẹ bà M nuôi. Khi ly hôn ông yêu cầu nuôi 02 con chung, ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Bà M có vay của Công ty tài chính TNHH MTV số tiền 29.023.207đ. Nếu Công ty có yêu cầu trả thì ông đồng ý cùng bà M trả. Tuy nhiên, qua trao đổi với bà M thì bà M cho rằng đã trả xong số tiền vay này nhưng ông có tài liệu chứng minh để nộp cho Tòa án.

2. Bị đơn, bà Ngô Thị Tuyết M và Công ty tài chính TNHH MTV trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp tổng đạt các thông báo về phiên hòa giải nhưng bà M và đại diện Công ty tài chính TNHH MTV vẫn vắng mặt không có lý do. Do bà M và đại diện ngân hàng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trịnh Minh Nh yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Tuyết M. Do bà M cư trú tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Ngô Thị Tuyết M và Công ty tài chính TNHH MTV đã được Tòa án cấp tổng đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và Ngân hàng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Trịnh Minh Nh và bà Ngô Thị Tuyết M xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2015 là hôn nhân hợp pháp. Ông Nh yêu cầu ly hôn vì cho rằng bà M vay tiền mà không cho ông Nh biết, bà M thường đi làm về khuya, không cho ông biết địa chỉ công ty nơi bà M làm việc, bà M còn có mối quan hệ với người khác. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa cho bà M nhưng bà M vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh bà M không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Nh có cơ sở chấp nhận.

[4] Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thiên K, sinh ngày 21/7/2015 và Trịnh Thiên H, sinh ngày 30/5/2017, hiện 02 con đang sống cùng ông bà ngoại ở tỉnh Hậu Giang. Ông Nh yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng. Xét, 02 cháu Thiên K và Thiên H đều hơn 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi nên theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì không thuộc trường hợp ưu tiên cho mẹ nuôi và cũng không thuộc trường hợp phải xem xét nguyện vọng của các cháu. Bà M đã được Tòa án thông báo về vụ án trong đó có thông báo về việc ông Nh yêu cầu được nuôi con nhưng bà M cũng không có ý kiến gì. Hơn nữa 02 cháu đang được gửi cho ông, bà ngoại nuôi, bà M không có nhiều điều kiện và thời gian chăm sóc con, do đó các cháu sẽ thiếu tình cảm của cả cha và mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho ông Nh nuôi. Do ông Nh không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Ông Nh xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Nh trình bày bà M có nợ Công ty tài chính TNHH MTV số tiền 29.023.207đ và yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án. Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng về yêu cầu của ông Nh và thông báo cho Ngân hàng về quyền khởi kiện nhưng Ngân hàng không có ý kiến gì. Hơn nữa, trong vụ án này ông Nh không có yêu cầu giải quyết về tài sản của vợ chồng. Do đó, nếu thấy quyền lợi bị ảnh hưởng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để thu hồi nợ.

[7] Về án phí: Ông Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn theo quy định là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Trịnh Minh Nh được ly hôn với bà Ngô Thị Tuyết M.

2. Về con chung: Giao 02 con tên Trịnh Thiên K, sinh ngày 21/7/2015 và Trịnh Thiên H, sinh ngày 30/5/2017 cho ông Trịnh Minh Nh nuôi dưỡng. Bà Ngô Thị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Minh Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 4290, ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông Nh đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã L, huyện Tân Trụ,,
Long An;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Dũng